

BỘ CÔNG THƯƠNG**BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2015/TT-BCT

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2015

THÔNG TƯ**Quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện,
trình tự kiểm tra hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, trình tự kiểm tra hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định trình tự lập, thẩm định, phê duyệt giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện và Hợp đồng mẫu cung cấp dịch vụ phụ trợ, trình tự kiểm tra hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện.

2. Thông tư này áp dụng đối với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty mua bán điện, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và các Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện.

3. Thông tư này sửa đổi, bổ sung Điều 68 Thông tư số 30/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công suất khả dụng dự kiến của tổ máy* là công suất lớn nhất dự kiến có thể đạt được khi tổ máy phát liên tục và ổn định trong khoảng thời gian ít nhất là 08 giờ.

2. *Dịch vụ phụ trợ* là các dịch vụ dự phòng khởi động nhanh, dự phòng khởi động nguội, vận hành phải phát đảm bảo an ninh hệ thống điện, điều tần và dự phòng quay được huy động theo lệnh điều độ của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, nhằm đảm bảo tiêu chuẩn vận hành, duy trì độ tin cậy và an ninh hệ thống điện.

3. *Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ* là đơn vị phát điện sở hữu một hoặc nhiều nhà máy điện được huy động cung cấp Dịch vụ phụ trợ theo lệnh điều độ. Đối với các dịch vụ dự phòng khởi động nhanh, dự phòng khởi động nguội, vận hành phải phát đảm bảo an ninh hệ thống điện, Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ thuộc danh sách do Cục Điều tiết điện lực ban hành ký hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Chi phí cung cấp dịch vụ phụ trợ thuộc chi phí phát điện được thanh toán theo quy định hiện hành.

4. *Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện* là đơn vị chỉ huy, điều khiển quá trình phát điện, truyền tải điện, phân phối điện trong hệ thống điện quốc gia, điều hành giao dịch thị trường điện.

5. *Lệnh điều độ* là lệnh chỉ huy, điều khiển chế độ vận hành hệ thống điện trong thời gian thực.

6. *Mức giới hạn số giờ dừng máy cưỡng bức do các yếu tố không dự kiến trước được* là tổng số giờ phải dừng máy trong năm do các yếu tố không dự kiến trước được tùy thuộc vào đặc thù của từng tổ máy và nhà máy gồm số giờ dừng máy do sự cố và số giờ dừng máy để sửa chữa hoặc bảo dưỡng các thiết bị ngoài kế hoạch được duyệt.

7. *Năm N* là năm áp dụng giá dịch vụ phụ trợ, tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12.

8. *Năm N-1* là năm liền trước năm N.

9. *Năm N-2* là năm liền trước năm N-1.

Chương II**PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ PHỤ TRỢ****Mục 1****NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ PHỤ TRỢ****Điều 3. Nguyên tắc xác định giá dịch vụ phụ trợ**

1. Đối với dịch vụ dự phòng khởi động nhanh, dự phòng khởi động nguội, vận hành phải phát đảm bảo an ninh hệ thống điện, giá dịch vụ phụ trợ được xác định theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp đủ chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ cần thiết và có lợi nhuận hợp lý hàng năm cho đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ là các nhà máy nhiệt điện; giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn. Giá dịch vụ phụ trợ cho đơn vị này gồm các thành phần sau:

a) Giá cố định là thành phần để thu hồi tổng chi phí cố định cho hoạt động cung cấp dịch vụ phụ trợ của Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ trong năm áp dụng giá;

b) Giá biến đổi là thành phần để thu hồi chi phí nhiên liệu và vật liệu cho sản xuất điện của Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ theo lệnh điều độ của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

c) Giá khởi động của tổ máy phát điện là thành phần để thu hồi chi phí nhiên liệu và chi phí điện năng của tổ máy phát điện trong quá trình thao tác đưa tổ máy từ ngừng vận hành ở các trạng thái nóng, lạnh hoặc ấm sang vận hành sản xuất điện theo lệnh điều độ của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

2. Đối với dịch vụ điều tần, nguyên tắc huy động và xác định giá như sau:

a) Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện huy động các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam để cung cấp dịch vụ điều tần. Chi phí phát sinh thực tế, hợp lý, hợp lệ do cung cấp dịch vụ điều tần được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh điện của các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu;

b) Đối với các nhà máy trực tiếp tham gia thị trường điện, chi phí phát sinh do cung cấp dịch vụ điều tần được thanh toán theo Quy định vận hành thị trường điện lực cạnh tranh do Bộ Công Thương ban hành hoặc các quy định liên quan khác.

3. Đối với dịch vụ dự phòng quay, đơn vị cung cấp dịch vụ dự phòng quay là nhà máy điện trực tiếp tham gia thị trường điện. Phương pháp xác định giá dịch vụ phụ trợ dự phòng quay thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương này.

Mục 2

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ PHỤ TRỢ DỰ PHÒNG KHỞI ĐỘNG NHANH, DỰ PHÒNG KHỞI ĐỘNG NGUỘI, VẬN HÀNH PHẢI PHÁT ĐẢM BẢO AN NINH HỆ THỐNG ĐIỆN

Điều 4. Phương pháp xác định giá cố định

1. Giá cố định (g_{cd}) của Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ được xác định theo công thức sau:

$$g_{cd} = \frac{1}{12} \times \frac{G_{cd,N}}{\sum_{i=1}^n (P_{kd,i}) \times K_{KD}^{KH}}$$

Trong đó:

- g_{cd} : Giá cố định (đồng/(kW.tháng));
- $G_{cd,N}$: Tổng doanh thu cố định năm N của Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ (đồng);
- K_{KD}^{KH} : Hệ số khả dụng kế hoạch năm của Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều này;
- $P_{kd,i}$: Công suất khả dụng dự kiến của tổ máy i trong năm N (kW);
- n: Số tổ máy phát điện của Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ.

Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ có trách nhiệm xác định công suất khả dụng dự kiến của tổ máy trong năm N để thỏa thuận và đưa vào hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, làm cơ sở xác định giá cố định của Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ.

2. Hệ số khả dụng kế hoạch (K_{KD}^{KH}) năm của Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ được xác định theo công thức sau:

$$K_{KD}^{KH} = \frac{\sum_{i=1}^n [(8760 - H_{SC,i}^{KH} - H_{DMCB,i}) \times P_{kd,i}]}{8760 \times \sum_{i=1}^n P_{kd,i}}$$

Trong đó:

- $H_{SC,i}^{KH}$: Số giờ sửa chữa tổ máy i theo kế hoạch sửa chữa trong năm N (giờ);
- $H_{DMCB,i}$: Mức giới hạn số giờ dừng máy cưỡng bức do các yếu tố không dự kiến trước được của tổ máy i trong năm N (giờ), do hai bên thỏa thuận;
- n: Số tổ máy của Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ.

Điều 5. Phương pháp xác định tổng doanh thu cố định

Tổng doanh thu cố định năm N ($G_{cd,N}$) của Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ được xác định theo công thức sau:

$$G_{cd,N} = C_{KH} + C_{OM,N} + C_{LVDH} + LN_N$$

Trong đó:

- C_{KH} : Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định năm N của Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ được xác định theo quy định tại Khoản 1 Điều này (đồng);
- $C_{OM,N}$: Tổng chi phí vận hành cố định năm N được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều này (đồng);
- C_{LVDH} : Tổng chi phí trả lãi vay và các khoản phí để vay vốn, phải trả trong năm N cho đầu tư tài sản của Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ (đồng);
- LN_N : Lợi nhuận định mức năm N (đồng).

1. Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định (C_{KH}) của Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ được xác định trong năm N căn cứ quy định về thời gian sử dụng và phương pháp trích khấu hao tài sản cố định quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung sau này.

2. Tổng chi phí vận hành cố định năm N ($C_{OM,N}$) của Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ được xác định theo công thức sau:

$$C_{OM,N} = C_{VLcd} + C_{TL} + C_{SCL} + C_{MN} + C_K$$

Trong đó:

- C_{VLcd} : Tổng chi phí vật liệu cố định năm N (đồng);
- C_{TL} : Tổng chi phí tiền lương năm N (đồng);
- C_{SCL} : Tổng chi phí sửa chữa lớn năm N (đồng);
- C_{MN} : Tổng chi phí dịch vụ mua ngoài năm N (đồng);
- C_K : Tổng chi phí khác bằng tiền năm N (đồng).

a) Phương pháp xác định tổng chi phí vật liệu (C_{VLcd})

Tổng chi phí vật liệu cố định năm N (C_{VLcd}) của Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ được xác định theo chi phí vật liệu cố định của đơn vị năm N-2 đã được kiểm toán, loại trừ các chi phí đột biến bất thường, có tính trượt giá theo tỷ lệ 2,5%/năm.

b) Phương pháp xác định tổng chi phí tiền lương (C_{TL})

Tổng chi phí tiền lương năm N (C_{TL}) bao gồm tổng chi phí tiền lương và các chi phí có tính chất lương như chi phí bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn được xác định theo quy định của pháp luật có liên quan.